

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/KDTM-PT
Ngày 15-11-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hoàng;
Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hoàng Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2022/KDTM-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 06/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; trụ sở: Số 1, đường K, Phường T, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

+ *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn Bé T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh An Giang (theo văn bản ủy quyền số 545/QĐ-BIDV ngày 22/06/2021) (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Văn Bé T (theo văn bản ủy quyền số: 623/QĐ-BIDV.AG ngày 14/11/2022), gồm:

1. Ông Trịnh Thanh K, Chức vụ: Trưởng phòng, Phòng Khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh An Giang (có mặt).

2. Ông Nguyễn Minh C, chức vụ: Chuyên viên Phòng Khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh An Giang (có mặt).

3. Ông Nguyễn Hồng Trọng H, chức vụ: Chuyên viên Phòng Quản lý rủi ro - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn L; trụ sở: Số 10P, khóm K, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thông Cường N, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên, là người đại diện theo pháp luật (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thông Cường N, sinh năm 1968 (có mặt);

2. Bà Phan Thị T, sinh năm 1973 (vắng mặt);

3. Chị Nguyễn Thông Thùy L, sinh năm 1991 (vắng mặt);

4. Anh Nguyễn Thông Hoài Q, sinh năm 1995 (vắng mặt);

5. Anh Nguyễn Thông Cường Th, sinh ngày 21/4/2004 (vắng mặt);

6. Ông Hoàng A, sinh năm 1986 (vắng mặt);

7. Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1997 (vắng mặt);

8. Anh Hoàng Khánh L1, sinh ngày 14/9/2014 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của anh Hoàng Khánh L1: Anh Hoàng A và chị Nguyễn Thông Thùy L, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

9. Anh Nguyễn Thông Hoàng Q1, sinh ngày 14/11/2018 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Thông Hoàng Q1: Anh Nguyễn Thông Hoài Q và chị Trần Thị Bích H, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số 62Đ, khóm K, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ) do người đại diện là ông Nguyễn Minh C trình bày:

Ngân hàng Đ và Công ty Trách nhiệm hữu hạn L (sau đây gọi tắt là Công ty L) ký kết hợp đồng vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2021/7678304/HĐTD ngày 03/3/2021, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng. Theo đó, Ngân hàng Đ cấp cho Công ty L hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 27.600.000.000 đồng; trong đó hạn mức cho vay tối đa là 17.600.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp sau:

1. Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2019/7678304/HĐBĐ ngày 23/01/2019, đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh X, tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là VPĐKĐĐ - CN X), tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây viết tắt là GCN QSD đất) số vào sổ CH01164 ngày 15/11/2010 do Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thành phố X, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Thông Cường N và bà Phan Thị T, diện tích 172,2m² đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 171, tờ bản đồ số 8; nhà ở diện tích xây dựng 163,8m², diện tích sàn 422,5m², nền gạch, khung BTCT, vách gạch, sàn lầu BTCT, mái BTCT, cấp 3A, có 03 tầng. Nhà và đất tọa lạc tại phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số: 01/2020/8113167/HĐBĐ ngày 19/02/2020, đăng ký thế chấp tại VPĐKĐĐ - CN X, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo GCN QSD đất số vào sổ CH05734 ngày 22/10/2014 do UBND thành phố X, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Thông Cường N và bà Phan Thị T, diện tích 86,1m² đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 169, tờ bản đồ số 8; nhà ở diện tích xây dựng 81,9m², diện tích sàn 255,7m², nền gạch, khung BTCT, vách gạch, sàn BTCT, mái BTCT, nhà cấp 3A, có 03 tầng. Nhà và đất tọa lạc tại phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

3. Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số: 01/2021/8113167/HĐBĐ ngày 03/3/2021, đăng ký thế chấp tại VPĐKĐĐ - CN X, tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 86,1m² đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 248, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại phường K, thành phố X, tỉnh An Giang do ông Nguyễn Thông Cường N và bà Phan Thị T nhận chuyển nhượng của Công ty TNHH Một thành viên A vào ngày 11/12/2020, được ghi nhận tại trang 4 GCN QSD đất số vào sổ CT14817 ngày 08/12/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho Công ty TNHH Một thành viên A.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 86,1m² đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 249, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại phường K, thành phố X, tỉnh An Giang do ông Nguyễn Thông Cường N và bà Phan Thị T nhận chuyển nhượng của Công ty TNHH Một thành viên A vào ngày 11/12/2020, được ghi nhận tại trang 4 GCN QSD đất số vào sổ CT14818

ngày 08/12/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho Công ty TNHH Một thành viên A.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 86,1m² đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 250, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại phường K, thành phố X, tỉnh An Giang do ông Nguyễn Thông Cường N và bà Phan Thị T nhận chuyển nhượng của Công ty TNHH Một thành viên A vào ngày 11/12/2020, được ghi nhận tại trang 4 GCN QSD đất số vào sổ CT14819 ngày 08/12/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho Công ty TNHH Một thành viên A.

- Nhà ở và văn phòng làm việc gắn liền với 03 thửa đất số 248, 249, 250: Diện tích xây dựng là 245,7m²; diện tích sàn là 488,9m².

4. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2021/7678304/HĐBĐ ngày 08/6/2021, đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, tài sản thế chấp là: Xe ô tô con, biển kiểm soát: 67A-083.88, nhãn hiệu: PEUGEOT, màu sơn: đen, năm sản xuất: 2018, số chỗ ngồi: 05 chỗ, số máy: 0UF019166859, số khung: 5UA6JC091070, dung tích: 1598, số loại: 3008 P4 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016895 ngày 16/8/2018 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh An Giang cấp cho Công ty L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L đã thanh toán lãi tổng cộng cho Ngân hàng Đ là 149.347.439 đồng. Từ ngày 20/10/2021, Công ty L ngừng thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Đ.

Đến ngày 06/12/2021 Công ty L nợ Ngân hàng Đ vốn gốc là 19.299.458.099 đồng, trong đó: Số tiền vay là 17.598.527.829 đồng; bảo lãnh là 1.700.930.270 đồng.

Nay Ngân hàng Đ yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Công ty L thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền vốn là 19.299.458.099 đồng.

- Yêu cầu Công ty L thanh toán cho Ngân hàng Đ tổng số tiền lãi (gồm lãi vay và lãi phạt quá hạn) tạm tính đến ngày 06/12/2021 là 124.518.619 đồng.

- Yêu cầu duy trì các loại tài sản thế chấp theo 04 hợp đồng thế chấp nêu trên để bảo đảm việc thi hành án.

- Yêu cầu Công ty L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2021/7678304/HĐTD ngày 03/3/2021 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.700.930.270 đồng theo các Giấy đề nghị cấp bảo lãnh kiêm hợp đồng bảo lãnh cụ thể.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn Công ty L do người đại diện là ông Nguyễn Thông Cường N trình bày:

Công ty L thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản như nội dung trình bày của Ngân hàng Đ và thừa nhận còn nợ Ngân hàng Đ tổng số tiền 18.673.770.196 đồng (tính đến ngày 01/7/2022); trong đó: Nợ gốc 17.598.527.829 đồng, nợ lãi trong hạn 273.333.199 đồng, nợ lãi quá hạn 801.909.168 đồng; Công ty L đồng ý cho Ngân hàng Đ phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án. Hiện nay, Công ty L vẫn còn hoạt động, chưa giải thể hay bị yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Tuy nhiên, Công ty L đề nghị Ngân hàng xem xét giảm tiền lãi quá hạn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trong 02 năm qua.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thông Cường N trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Công ty L.

- Những người có quyền lợi liên quan khác, gồm: Bà Phan Thị T, chị Nguyễn Thông Thùy L, anh Nguyễn Thông Hoài Q, anh Nguyễn Thông Cường Th, ông Hoàng A, chị Trần Thị Bích H, anh Hoàng Khánh L1, anh Nguyễn Thông Hoàng Q1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2022/KDTM-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang quyết định:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ đối với số tiền bảo lãnh 1.700.930.270 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ.

- Buộc Công ty L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Đ tổng số tiền 18.673.770.196 đồng (tính đến ngày 01/7/2022). Trong đó: Vốn gốc 17.598.527.829 đồng, lãi trong hạn 273.333.199 đồng, lãi quá hạn 801.909.168 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp, về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 07/7/2022, bị đơn Công ty L kháng cáo yêu cầu miễn trách nhiệm đối với phần tiền lãi quá hạn, đồng thời tạo điều kiện cho Công ty L có thời gian bán tài sản để thanh toán nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện của Ngân hàng Đ trình bày: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng không đồng ý kháng cáo của bị đơn.

Người đại diện của Công ty L trình bày: Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Bị đơn nộp đơn kháng cáo đúng thời hạn và có nộp tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là đúng quy định tại khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Ngân hàng Đ và Công ty L thống nhất các khoản nợ đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/7/2022 tổng cộng là 18.673.770.196 đồng; trong đó: Vốn gốc là 17.598.527.829 đồng, lãi trong hạn là 273.333.199 đồng, lãi quá hạn là 801.909.168 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc Công ty L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Đ vốn gốc và lãi tổng cộng là 18.673.770.196 đồng (tính đến ngày 01/7/2022); Công ty L còn phải tiếp tục trả lãi kể từ sau ngày 01/7/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng là đúng theo quy định tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2] Về biện pháp đảm bảo nợ vay:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Ngân hàng Đ và Công ty L thống nhất có thể chấp tài sản để đảm bảo nợ vay theo các hợp đồng thế chấp như Ngân hàng Đ trình bày nên cấp sơ thẩm tuyên xử về quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty L không thanh toán nợ là đúng theo quy định tại Điều 299, khoản 7 Điều 322 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của Công ty L xin giảm nợ lãi quá hạn nhưng Ngân hàng Đ không đồng ý. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty L như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty L phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn L.

2. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2022/KDTM-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với số tiền bảo lãnh 1.700.930.270 đồng (một tỷ bảy trăm triệu chín trăm ba mươi nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 18.673.770.196 đồng (mười tám tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn một trăm chín mươi sáu đồng) (tính đến ngày 01/7/2022). Trong đó: Vốn gốc 17.598.527.829 đồng, lãi trong hạn 273.333.199 đồng, lãi quá hạn 801.909.168 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/7/2022) cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2021/7678304/HĐTD ngày 03/3/2021 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể số:

01.01/2021/7678304/HĐTD;	01.01/2021/7678304/HĐTD;
01.02/2021/7678304/HĐTD;	01.03/2021/7678304/HĐTD;
01.04/2021/7678304/HĐTD;	01.05/2021/7678304/HĐTD;
01.06/2021/7678304/HĐTD;	01.07/2021/7678304/HĐTD;
01.08/2021/7678304/HĐTD;	01.09/2021/7678304/HĐTD;
01.10/2021/7678304/HĐTD;	01.11/2021/7678304/HĐTD;
01.12/2021/7678304/HĐTD;	01.13/2021/7678304/HĐTD;
01.14/2021/7678304/HĐTD;	01.15/2021/7678304/HĐTD;
01.16/2021/7678304/HĐTD;	01.17/2021/7678304/HĐTD;
01.18/2021/7678304/HĐTD;	01.19/2021/7678304/HĐTD;
01.20/2021/7678304/HĐTD.	

Trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo

quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn L không trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các Hợp đồng thế chấp sau: Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2019/7678304/HĐBĐ ngày 23/01/2019 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Thông Cường N và bà Phan Thị T và bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số: 01/2020/8113167/HĐBĐ ngày 19/02/2020 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Thông Cường N và bà Phan Thị T, bên được bảo đảm là Công ty Trách nhiệm hữu hạn L và bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số: 01/2021/8113167/HĐBĐ ngày 03/3/2021 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Thông Cường N và bà Phan Thị T, bên được bảo đảm là Công ty Trách nhiệm hữu hạn L và bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2021/7678304/HĐBĐ ngày 08/6/2021 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Thông Cường N và bà Phan Thị T và bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn L còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty Trách nhiệm hữu hạn L có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- + Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải chịu 126.673.770 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi đồng).

- + Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 63.711.988 đồng (sáu mươi ba triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm tám mươi tám đồng) theo Biên lai thu số 0000890 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0001490 ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Tòa Kinh tế;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ